TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N **TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2024
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chung**

Bà **Lê Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Anh** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Kh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thanh Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/6/2024, Thông báo thay đổi thời gian xét xử ngày 01/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1996
Nơi cư trú: thôn Ngọc Sơn, xã A, thị , tỉnh K; có mặt.
- *Bị đơn:* Ông **Trần Ngọc PH**, sinh năm 1988
Nơi cư trú: thôn Ninh Ích, xã A, thị , tỉnh K;

Hiện đang chấp hành cai nghiện ma tuý bắt buộc theo Quyết định số 21/2024/QĐ-TA ngày 16/5/2024 của Toà án nhân dân thị xã Ninh H về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, tại cơ sở cai nghiện ma tuý tỉnh Khánh H. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:* Bà và ông Trần Ngọc PH tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, cãi nhau nhiều lần, ông PH nghiện ma tuý nhưng không tự cai nghiện nên vợ chồng không hạnh phúc, đã không sống chung với nhau. Ngày 16/5/2024 Toà án nhân dân thị xã Ninh H có Quyết định số 21/2024/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai

nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma tuý tỉnh Khánh H. Bà T xác định không còn tình cảm với ông PH nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông Trần Ngọc PH.

Về con chung: bà T và ông PH có 01 con chung tên Trần Ngọc NG, sinh ngày 22/4/2017. Khi ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông PH cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Vợ chồng không có nợ chung.

** Theo bản tự khai, đơn trình bày ý kiến và yêu cầu xét xử vắng mặt của bị đơn ông Trần Ngọc PH trình bày:*

Ông và bà T tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Ông PH đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung: ông PH và bà T có 01 con chung tên Trần Ngọc NG, sinh ngày 22/4/2017. Khi ly hôn, ông PH đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:*

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Trần Ngọc PH. Về con chung: giao con chung Trần Ngọc NG, sinh ngày 22/4/2017 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu ông PH cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: bà T và ông PH không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: bà T và ông PH xác định không có.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Ngọc PH có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp vụ án "Ly hôn" đối với bị đơn cư trú tại thôn Ninh Ích, xã A, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh H nên căn cứ khoản 1 Điều 28,

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Ninh H, tỉnh Khánh H.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Ngọc PH tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, được Uỷ ban cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76 cấp ngày 07/8/2017 vì vậy Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn trình bày quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường cãi nhau, ông PH nghiện ma tuý nhưng không tự cai nghiện, vợ chồng không sống chung với nhau. Ngày 16/5/2024 Toà án nhân dân thị xã Ninh H có Quyết định số 21/2024/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với ông Trần Ngọc PH tại cơ sở cai nghiện ma tuý tỉnh Khánh H. Bà T xác định không còn tình cảm với ông PH nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông Trần Ngọc PH. Bị đơn ông Trần Ngọc PH có văn bản trình bày thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn nên không hạnh phúc, ông đồng ý ly hôn với bà T, ông đang chấp hành cai nghiện ma tuý bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma tuý tỉnh Khánh H nên yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa bà T và ông PH mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T yêu cầu ly hôn ông PH là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông PH có 01 con chung theo giấy khai sinh là cháu Trần Ngọc NG, sinh ngày 22/4/2017. Cháu Ngân đang sống cùng mẹ và có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn, ông PH có văn bản đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao con chung cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Bà T không yêu cầu ông PH cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông PH không yêu cầu giải quyết tài sản chung, xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Trần Ngọc PH.

- Về con chung: Giao con chung Trần Ngọc NG, sinh ngày 22/4/2017 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu ông Trần Ngọc PH cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Ngọc PH có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Ngọc PH không yêu cầu giải quyết tài sản chung, xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005545 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hánh án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã A, GCNKH số 76 ngày 07/8/2017;
- CCTHADS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích